

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: 1. Ông Quách Văn Thành
2. Bà Lê Thu Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Bảo Yên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:
Ông Vũ Trọng Trạng – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 205/2019/TLPT- HS ngày 03 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Nguyễn Văn T kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2019/HSST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia.

*Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Văn T - Sinh năm 1986; STQ: Thôn H, xã T, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: không biết chữ; Con ông: Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

**Người bào chữa cho bị cáo:*

Ông: Bùi Khắc T: Luật sư thuộc Công ty luật TNHH 4.1 và Cộng sự thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội, (có mặt).

* Bị hại kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T. Sinh năm 1972 (có mặt)

HKTT: Thôn H, xã T, huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa.

* Người bảo vệ Q lợi hợp pháp của bị hại:

Ông Lê Ngọc T: Luật sư thuộc Công ty Luật hợp danh Hoàng Gia.

Giám định viên: Ông Hà Minh Thắng – Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa, (vắng mặt)

Điều tra viên: Ông Lê V– Điều tra viên Công an huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

Người làm chứng: 1. Anh Lê Văn Đ – SN: 1972, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa.

2. Chj Nguyễn Thị T – SN: 1976, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Đỗ Việt V– SN: 1970, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Nguyễn Văn T – SN: 1972, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Xuân Tiên, xã T, huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước về việc tranh chấp đất đai giữa hai bên gia đình ông Nguyễn Văn S và gia đình ông Nguyễn Văn T đều ở thôn H, xã T, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh hóa.

Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 10/11/2017, bà Nguyễn Thị P cùng chồng là ông Nguyễn Văn S; con trai Nguyễn Văn D1; con dâu Lê Thị Nguyệt đều trú tại thôn H, xã T, huyện Tĩnh Gia có mặt tại khu đất trồng đang tranh chấp để nhằm mục đích xây móng làm nhà ở cho vợ chồng D1, Nguyệt. Lúc này gia đình ông Nguyễn Văn T cùng các con là Nguyễn Văn T; Nguyễn Văn D2 ; Nguyễn Thị L đều trú tại thôn H, xã T, huyện Tĩnh Gia đến khu đất trên để ngăn cản không cho gia đình ông S tiếp tục xây móng làm nhà với lý do đất đang tranh chấp chưa được giải quyết xong, khi đi đến khu đất ông Nguyễn Văn T; Nguyễn Văn D2 mỗi người cầm trên tay một chiếc xẻng (còn gọi là bai), T lấy gậy tại đám đất, Nguyễn Thị L không cầm theo gì. Tại đây hai gia đình xô xát chửi bới lẫn nhau, sau đó bà Nguyễn Thị P đẩy xe rùa đá (xe chuyên chở vật liệu xây dựng) vào bên trong khu vực đang xây móng rồi quăng (ném) đá từ trên xe rùa xuống móng đất và về phía gia đình ông T. Hai bên đều bức xúc và nhặt đá ném về phía nhau bên gia đình ông S gồm bà P, ông S, D1 còn bên gia đình ông T gồm ông T, T, D2 , L. Trong khi hai bên gia đình ném đá về phía nhau thì Nguyễn Thị L dùng hòn đá làm móng nhà ném trúng vào gò má bên trái bà P làm bà P bị thương và ngã xuống đất, tiếp theo, Nguyễn Văn D1 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T rồi T cùng Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Q (là con ông S, bà P) đều trú tại thôn H, xã T, huyện Tĩnh Gia đang ở bên thuyền cùng về, khi về đến khu đất trên T cầm trên tay hung khí tự chế có đặc điểm phần lưỡi dao được hàn vào đầu đoạn sắt, dài khoảng hơn 01m chạy đến xô xát chém về phía Nguyễn Văn T, T dùng gậy gỗ dơ lên đỡ thì bị phần lưỡi dao trượt theo gậy gỗ xuống bị thương tại các vị trí: Mặt trên cẳng tay trái, mặt ngoài ngón tay áp út bàn tay trái, mặt ngoài ngón tay cái bàn tay trái, mặt ngoài ngón tay cái bàn tay phải. Quá trình xô xát đánh nhau, ném đá về phía nhau làm cho bà

Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn D1, Lê Thị N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D2 và Nguyễn Thị L đều bị thương và được đưa đi điều trị tại bệnh viện.

Đối với anh Nguyễn Văn T được đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Tĩnh Gia khâu vết thương ngày 10/11/2017, sau đó đến ngày 15/11/2017 anh T vào Bệnh viện đa khoa Huyện Tĩnh Gia điều trị đến ngày 20/11/2017 ra viện (6 ngày).

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể anh Nguyễn Văn T hồi 15h30' ngày 10/11/2017 tại Bệnh viện đa khoa huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa xác định:

- Tại vị trí mặt trên cẳng tay trái có 1 vết rách da kích thước (2 x 0,5)cm bờ mép sắc gọn.

- Tại vị trí mặt ngoài ngón tay áp út bàn tay trái có 01 vết rách da chảy máu kích thước (2x2)cm.

- Tại vị trí mặt ngoài ngón tay cái bàn tay trái có 01 vết rách da kích thước (0,5x0,5) cm bờ mép nhám nhỏ:

- Tại vị trí mặt ngoài ngón tay cái bàn tay phải có 1 vết rách da kích thước (2x 0,2) cm.

Tại Bệnh án ngoại khoa số 3548 ngày 20/11/2017 của bệnh viện đa khoa Huyện Tĩnh Gia kết luận anh T bị: Hậu phẫu vết thương ngón IV bàn tay trái (BL 48-49).

Tại bản kết luận giám định về thương tích số 46 ngày 01/02/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Các sẹo vết thương phần mềm vùng 1/2 dưới mặt trên cẳng tay trái, đốt 3 ngón IV bàn tay trái, mặt ngoài ngón cái bàn tay trái, mặt ngoài ngón cái bàn tay phải, số lượng sẹo ít, kích thước nhỏ 3%.

- Chấn thương làm vỡ đầu xa đốt 3 ngón IV bàn tay trái 1%.

Anh T bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 04% (*Bốn phần trăm*) sức khỏe.

Tại bản kết luận giám định pháp y bổ sung về cơ chế hình thành thương tích số 47/2018/TTPY ngày 01/02/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận đối với thương tích của Nguyễn Văn T:

+ Tại vị trí mặt trên cẳng tay trái có 01 vết rách da kích thước (2x0,5) cm bờ mép sắc gọn: Do tác động của ngoại lực, tạo nên bởi vật có cạnh sắc, hoặc vật có cạnh sắc nhọn.

+ Tại vị trí mặt ngoài ngón tay áp út bàn tay trái có 01 vết rách da chảy máu kích thước (2x2)cm vết thương làm bung móng tay: Do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật tày có cạnh, hoặc vật tày có cạnh sắc nhọn, hoặc vật có cạnh sắc.

+ Tại vị trí mặt ngoài ngón tay cái bàn tay trái có 01 vết rách da kích thước (0,5x0,5) cm bờ mép nhám nhỏ: Do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật tày có cạnh, hoặc vật tày, hoặc vật tày có cạnh sắc nhọn, hoặc vật có cạnh sắc.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T khai nhận đã có hành vi dùng xẻng gây thương tích cho anh Nguyễn Văn T tại tay trái và tay phải bị tổn hại 04% sức khỏe. Ngoài ra không có ai khác tham gia hay giúp sức, bàn bạc cho T trong việc gây thương tích cho anh T và không thừa nhận việc dùng hung khí tự chế có đặc điểm phần lưỡi dao được hàn vào đầu đoạn sắt, dài khoảng hơn 01m để gây thương tích cho anh T.

Đối với Nguyễn Văn D2 bị tổn hại 15 % sức khỏe và Nguyễn Thị L bị tổn hại 01% sức khỏe. Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia chưa đủ căn cứ kết luận D2, Lý bị gây thương tích bằng hung khí gì và ai là người gây ra thương tích. Do đó, Cơ quan CSĐT công an huyện Tĩnh Gia sẽ tiếp tục điều tra xác minh, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án còn có các đối tượng Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Q có tham gia vào quá trình xô xát đánh nhau nhưng chưa chứng minh được P, S, D1, T và Q gây thương tích cho ai. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

Hành vi của các đối tượng Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D2 và Nguyễn Thị L đã được điều tra xác minh bằng vụ án hình sự số 57 ngày 06 tháng 3 năm 2018.

Về vật chứng của vụ án:

01 chiếc xẻng (bai) bằng kim loại có kích thước chiều dài 32cm, chiều rộng 19cm, phần lưỡi xẻng lõm vào phía trong hình cánh cung, cán xẻng bằng khúc cây có chiều dài 131cm, đường kính là 2,3cm, xẻng đã cũ và qua sử dụng.

01 đoạn gậy cây bạch đàn dài 105cm, hai đầu tròn, đầu thứ nhất có kích thước đường kính 2,5cm, đầu thứ hai có kích thước đường kính là 3,5cm.

Đối với vật chứng là hung khí tự chế có đặc điểm phần lưỡi dao được hàn vào đầu đoạn sắt, dài khoảng hơn 01m Nguyễn Văn T sử dụng để gây thương tích cho Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, truy tìm và khám xét không phát hiện thấy nên không thu được.

* Về phần dân sự: Người bị hại có đơn yêu cầu bồi thường thương tích gồm các khoản sau: Tiền công không thu nhập trong 6 ngày x 300.000/ngày = 1.800.000đ; Tiền công không thu nhập của người chăm sóc 6 ngày x 200.000đ/ngày = 1.200.000đ; Tiền thuê xe chở đi cấp cứu là 200.000đ; Tiền thuốc 2.000.000đ; Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần 50.000.000đ; tổng là 55.200.000đ (Năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng). Hiện Nguyễn Văn T chưa bồi thường.

Bản án số 51/2019/HSST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia đã quyết định:

T bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

* Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS 1999.

Xử phạt: Nguyễn Văn T: 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày T án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã T, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 BLHS 1999; Điều 590, 591 BLDS 2015 buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 10.580.000đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn T xử lý tang vật, nghĩa vụ thi hành án, phần án phí và Q kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2019, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án vì bị kết án oan, bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngày 06/8/2019, bị hại là anh Nguyễn Văn T kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và tăng bồi thường về phần dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T, bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên hình phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999; buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 10.580.000đ.

Người bào chữa của bị cáo phát biểu: Nội dung vụ án cấp sơ thẩm đánh giá không chính xác, cơ quan điều tra chưa làm rõ hung khí gây ra cho bị hại, không thu được vật chứng, không giám định cái xẻng và cài gậy đây là những thiếu sót của cơ quan điều tra. Không giám định chính xác thương tích của bị hại, đưa ra kết luận bị hại bị tổn hại 4% sức khỏe là không có cơ sở, do đó Kết luận giám định của trung tâm giám định pháp y tỉnh Thanh Hóa có dấu hiệu vi phạm Luật giám định. Hành vi của bị cáo chưa đủ các yếu tố

cầu thành tội “cố ý gây thương tích” do bị cáo bị kích động mạnh trước khi thực hiện hành vi trái pháp luật, không chuẩn bị trước công cụ phạm tội. Lời khai của bị cáo T không có người làm chứng. Trong hồ sơ là tài liệu phô tô sao y không phù hợp pháp luật, có nhiều tài liệu trao đổi nghiệp vụ giữa cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Về phần bồi thường thiệt hại đề nghị bỏ phần bồi thường về tổn thất tinh thần, công người chăm sóc.

Người bảo vệ Q và lợi ích của bị hại phát biểu: Đề nghị HĐXX đưa ra hình phạt đủ sức răn đe đối với bị cáo; tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng phần bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Khoảng 14h30' ngày 10/11/2017, tại Thôn H, xã T, Huyện Tĩnh Gia, gia đình T và T xảy ra xô xát đánh nhau, trong lúc xô xát Nguyễn Văn T đã dùng 1 dao tự chế có đặc điểm phần lưỡi dao được hàn vào đầu đoạn sắt, dài khoảng hơn 1m chém anh Nguyễn Văn T, anh T giơ gậy lên đỡ thì bị phần lưỡi dao trượt theo gậy xuống bị thương tại các vị trí: Mặt trên cẳng tay trái, mặt ngoài ngón tay áp út bàn tay trái, mặt ngoài ngón tay cái bàn tay trái, mặt ngoài ngón tay cái bàn tay phải. Tổng tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 4%.

Bị cáo thừa nhận đã có hành vi gây thương tích cho anh T mất 4% sức khỏe; chỉ mình bị cáo thực hiện không có ai tham gia giúp sức, bàn bạc với bị cáo trong việc gây thương tích cho anh T. Nhưng bị cáo không thừa nhận dùng dao tự chế gây thương tích cho anh T mà khai nhận bị cáo dùng (bai) xẻng lấy tại khu đất đang tranh chấp để đánh T, nguyên nhân bị cáo đánh T là do bị cáo nhìn thấy anh T dùng gậy đánh nhiều phát vào mặt bà Nguyễn Thị P (mẹ T) làm bà P bị thương nên bị cáo bức xúc dẫn đến việc bị cáo đánh anh T. Tuy nhiên trên cơ sở lời khai ban đầu của bị cáo, lời khai của anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D1 (em trai bị cáo) (BL 175, 185, 188, 192) đều khẳng định bà P bị thương tích trước khi bị cáo T đến hiện T. Lời khai những người có làm chứng (BL 250, 241, 245...) và tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ được thẩm định tại phiên tòa có cơ sở xác định: Bị cáo T đã sử dụng dao tự chế có đặc điểm phần lưỡi dao được hàn vào đầu đoạn sắt, dài khoảng hơn 01m để gây thương tích cho anh T. Lời khai của các người làm chứng và tại phiên tòa cũng thể hiện anh T không phải là người gây thương tích cho bà Nguyễn Thị P mà thương tích của bà P là do Nguyễn Thị Lgây ra, hiện tại Nguyễn Thị L đã xét xử theo bản án hình sự phúc thẩm số 276 ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Do vậy, người bào chữa của bị cáo cho rằng bị cáo phạm tội do tinh thần bị kích động mạnh là không có cơ sở. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị hại không rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo nên việc người bào chữa đề nghị xử phạt hành chính đối với bị cáo là không đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu

trong hồ sơ là bản phô tô đã được cơ quan điều tra y sao theo quy định của pháp luật, tài liệu trao đổi nghiệp vụ đã được đưa ra ngoài hồ sơ tại bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự (BL 316).

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm T bố bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi gây thương tích cho bị hại, nhưng không đồng ý với tội danh mà bản án sơ thẩm đã T và xin Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tổn hại sức khỏe cho người khác, gây mất trật tự trị an chung. Khi quyết định hình phạt án sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như quyết định hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp. Bị cáo cho rằng bị cáo bị kết án oan là không có cơ sở. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ TNHS mới; nên thống nhất với quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Thanh Hóa, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị hại: Bị cáo phạm gây thương tích cho bị hại 4% sức khỏe, nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, như đã phân tích ở trên việc bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Về dân sự bị hại đề nghị tăng bồi thường: Cấp sơ thẩm đã xem xét các chi phí điều trị hợp lý cũng như tiền phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh T với số tiền là 10.580.000đ là phù hợp pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của anh T.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo T và bị hại không được chấp nhận nên bị cáo và bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của BLTTHS. Điểm b, đ khoản 2 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Không chấp nhận phần kháng cáo của bị cáo và bị hại. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 51/2019/HS – ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS 1999.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày T án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã T, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng Điều 42 BLHS 1999; Điều 590, 591 BLDS 2015. Buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 10.580.000đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên, nếu bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Tĩnh Gia;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Thủy